

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
(tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không
Taseco Nội Bài)

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 39

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh</u>	<u>Ngày cấp</u>
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ nhất)	22 tháng 1 năm 2016
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ hai)	16 tháng 12 năm 2016
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ ba)	27 tháng 2 năm 2017
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ tư)	30 tháng 5 năm 2017
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ năm)	27 tháng 7 năm 2017

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó chủ tịch
Ông Lê Anh Quốc	Phó chủ tịch
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban
Bà Trần Thị Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		82.791.486.908	35.390.997.252
110	I. Tiền	4	35.712.775.056	18.779.591.837
111	1. Tiền		35.712.775.056	18.779.591.837
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.425.741.227	8.149.230.588
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.683.012.545	2.906.904.269
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.988.231.507	69.130.013
135	3. Phải thu từ cho vay ngắn hạn		20.000.000.000	
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.754.497.175	5.173.196.306
140	III. Hàng tồn kho	7	7.106.513.274	7.521.124.329
141	1. Hàng tồn kho		7.106.513.274	7.521.124.329
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.546.457.351	941.050.498
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2.546.457.351	941.050.498
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		382.235.157.022	266.106.181.836
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		150.220.439.740	75.370.439.740
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	150.220.439.740	75.370.439.740
220	II. Tài sản cố định		33.981.551.151	17.103.815.429
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	33.920.197.332	17.014.788.104
222	Nguyên giá		42.066.048.985	21.403.553.178
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.145.851.653)	(4.388.765.074)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	61.353.819	89.027.325
228	Nguyên giá		127.592.000	127.592.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(66.238.181)	(38.564.675)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		40.816.800	
240	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		40.816.800	
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		191.924.427.614	169.671.289.901
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	131.924.427.614	169.671.289.901
	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		60.000.000.000	
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.067.921.717	3.960.636.766
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	6.067.921.717	3.960.636.766
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		465.026.643.930	301.497.179.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		86.035.748.808	126.348.644.065
310	I. Nợ ngắn hạn		38.073.748.808	98.864.444.065
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	11.970.793.849	8.525.467.097
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.530.660	8.001.025
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.935.795.680	3.710.059.855
314	4. Phải trả người lao động		6.969.575.694	6.456.677.399
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	401.757.656	558.456.341
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	6.615.676.157	1.176.224.045
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.383.819.112	63.544.478.910
320	8. Vay ngắn hạn	19	5.788.800.000	14.885.079.393
330	II. Nợ dài hạn		47.962.000.000	27.484.200.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	38.000.000.000	24.000.000.000
338	2. Vay dài hạn	19	9.962.000.000	3.484.200.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		378.990.895.122	175.148.535.023
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	378.990.895.122	175.148.535.023
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	20.1, 20.2	360.000.000.000	160.480.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	160.480.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.990.895.122	14.668.535.023
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		449.618.349	98.944.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		18.541.276.773	14.569.590.744
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		465.026.643.930	301.497.179.088

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó phòng Kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho giai đoạn tài chính chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

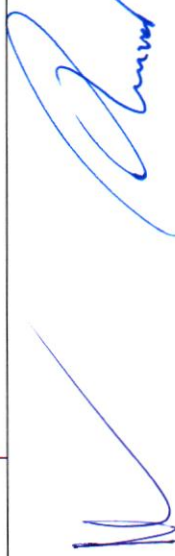
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chính tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Quý 3/2017	Quý 3/2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	159.051.320.037	126.561.364.161	56.516.170.787	44.478.242.855
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.051.320.037	126.561.364.161	56.516.170.787	44.478.242.855
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	22	(76.137.359.030)	(59.456.824.471)	(26.915.053.533)	(20.369.747.962)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.913.961.007	67.104.539.690	29.601.117.254	24.108.494.893
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	65.008.852.677	1.291.017.073	1.067.314.715	545.834.196
22	7. Chi phí tài chính	23	(1.287.369.268)	(655.912.812)	(420.205.895)	(271.344.381)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.286.603.310)	655.478.835	(420.196.155)	(271.342.081)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(41.938.665.670)	(42.340.001.311)	(14.260.286.009)	(14.493.663.042)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(15.603.407.825)	(16.218.318.591)	(5.720.480.327)	(4.587.072.309)
30	10. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		89.093.370.921	9.181.324.048	10.267.459.738	5.302.249.357
31	11. Thu nhập khác	25	1.596.732.256	481.423.864	183.777.403	168.911.440
32	12. Chi phí khác	25	(10.104.251)	(294.326.722)	(6.292.395)	(265.404.492)


Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

40	13. Lợi nhuận khác	25	1.586.628.005	187,097,142	177,485,008	(96,493,052)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.679.998.926	9,368,421,190	10,444,944,746	5,205,756,305
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(5.430.911.785)	(1,980,512,483)	(2,107,447,830)	(1,046,244,460)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		85.249.087.141	7,387,908,707	8,337,496,916	4,159,511,845


 Trần Văn Hưng
 Người lập


 Phạm Quang Viên
 Phó phòng Kế toán



Lê Anh Quốc
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017


Đơn vị tính: VND

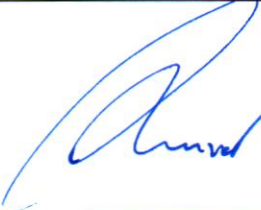
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		90,679,998,926	9,368,421,190
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	4,402,015,458	3,151,245,205
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(66,196,558,029)	(1,049,868,668)
06	Chi phí lãi vay		1,286,603,310	655,478,835
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30,172,059,665	12,125,276,562
09	Tăng/(giảm) các khoản phải thu		(46.021.302.305)	29,065,532,751
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		414,611,055	(822,322,529)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả		(38,242,698,973)	336,305,492
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(3,712,691,804)	1,648,832,362
14	Tiền lãi vay đã trả		(1,286,603,310)	(655,478,835)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(5,485,266,388)	(925,000,000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(577.227.043)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(64.739.119.103)	40,773,145,803
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(21,320,567,980)	(3,753,123,409)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1,227,272,726	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(58,000,000,000)	(46,650,000,000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		38.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(60,000,000,000)	
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.864.076.969	7,263,551
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(35.229.218.285)	(50,395,859,858)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		199,520,000,000	2.776.098.900
33	Tiền thu từ đi vay		46,528,280,605	27,158,684,234
34	Tiền trả nợ gốc vay		(49,146,759,998)	(16,534,516,978)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	20.1	(80.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		116,901,520,607	13,400,266,156
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		16,933,183,219	3,777,552,101
60	Tiền đầu kỳ		18.779.591.837	836.087.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	35,712,775,056	4,613,639,468


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phó phòng kế toán


Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh</u>	<u>Ngày cấp</u>
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ nhất)	22 tháng 1 năm 2016
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ hai)	16 tháng 12 năm 2016
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ ba)	27 tháng 2 năm 2017
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ tư)	30 tháng 5 năm 2017
Số 0107007230 (điều chỉnh lần thứ năm)	27 tháng 7 năm 2017

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 422 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 330 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có 04 công ty con và 01 Công ty liên kết, bao gồm:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng (“Taseco Đà Nẵng”)	99,9%	99,9%	99 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn (“Taseco Sài Gòn”)	65%	65%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Taseco Oceanview Đà Nẵng”)	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
4	Công ty cổ phần đầu tư truyền thông Taseco ("Taseco Media")	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1 khu Đoàn Ngoại Giao, phố Đỗ Nhuận - Phường Xuân Tảo - Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, dịch vụ.
5	Công ty cổ phần suất ăn hàng không Việt Nam ("VINACS")	40%	Công ty liên kết	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ ăn uống, cung cấp thực phẩm, Cung cấp suất ăn Hàng không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 vào ngày 19 tháng 10 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	1 - 5 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	4.040.722.250	1.143.215.064
Tiền gửi ngân hàng	31.672.052.806	17.636.376.773
TỔNG CỘNG	35.712.775.056	18.779.591.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Ngắn hạn	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	2,025,134,849	520.824.540
Công ty TNHH Sejoong Việt Nam	5.600.000	376.068.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		262.929.294
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Thời Đại		-
Công ty TNHH truyền thông Movingup	660.000.000	
Công ty TNHH Viễn thông Lê Nguyễn	228.000.000	228.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.577.734.696	594.266.903
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	186.543.000	924.815.532
TỔNG CỘNG	<u>4.683.012.545</u>	<u>2.906.904.269</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

5.2. Trả trước cho người bán

Ngắn hạn	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty TNHH Cafe Đất Việt	21.273.091	21.273.091
Công ty CP hợp tác quốc tế V-S-F Architects	1.698.863.740	
XN bán lẻ xăng dầu - Công ty xăng dầu KV 1 - Công ty TNHH một thành viên	988.423	14.988.367
Công ty TNHH Ánh Sáng Tiến Dư	14.066.800	9.548.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ VINASTAR		10.000.000
Công ty TNHH Quảng cáo và Thương mại P&G	805.669.370	-
Công ty CP Công nghệ và giải pháp nghe nhìn Hoàng Kim	281.510.500	-
Công ty CP Đầu tư khai thác nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	1.000.000.000	
Công ty TNHH Thương mại và du lịch Nguyệt Anh		-
Công ty CP Hòa Gia Hưng	493.203.892	
Công ty TNHH Xây dựng & hoàn thiện nội thất Milaco	421.059.897	
Các khoản trả trước khác	251.595.794	13.320.555
TỔNG CỘNG	<u>4.988.231.507</u>	<u>69.130.013</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tạm ứng cho nhân viên	5.590.421.059	369.408.218
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	436.727.435	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.727.348.681	1.671.174.452
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)		3.132.613.636
TỔNG CỘNG	<u>7.754.497.175</u>	<u>5.173.196.306</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Công cụ, dụng cụ	104.526.249	-	150.528.415	-
Hàng hóa	7.001.987.025	-	7.370.595.914	-
TỔNG CỘNG	<u>7.106.513.274</u>	-	<u>7.521.124.329</u>	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	194.938.165	128.151.617
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng tài sản cố định	640.804.305	340.477.415
Chi phí thuê mặt bằng	244.220.909	-
Khác	1.466.493.972	472.421.466
TỔNG CỘNG	<u>2.546.457.351</u>	<u>941.050.498</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.644.917.467	2.641.027.129
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng tài sản cố định	706.686.687	985.026.844
Khác	3.716.317.563	334.582.793
TỔNG CỘNG	<u>6.067.921.717</u>	<u>3.960.636.766</u>

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh số 28) (*)	150.220.439.740	75.220.439.740
Phải thu dài hạn khác		150.000.000
TỔNG CỘNG	<u>150.220.439.740</u>	<u>75.370.439.740</u>

(*) Đây là khoản góp vốn vào Dự án Hạ Long – Quảng Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và phụ lục Hợp đồng số 142/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 30/9/2017. Theo đó, Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long (“Taseco Thăng Long”) cùng hợp tác đầu tư tại lô đất HH33 và HH30 thuộc Khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ được quyền mua lại toàn bộ phần diện tích sàn của khối đế (từ tầng 1-4) và diện tích sàn tầng 38, 39 để kinh doanh mảng dịch vụ khách sạn khi Dự án đi vào hoạt động với giá mua bằng giá thành xây dựng của Dự án, Công ty đã góp vốn với số tiền là 150.22 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.813.341.656	1.827.492.326	14.762.719.196	-	21.403.553.178
- Mua trong kỳ	-	4.130.626.865	17.006.629.093	140.138.000	21.277.393.958
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.898.151)	-	(614.898.151)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	4.813.341.656	5.958.119.191	31.154.450.138	140.138.000	42.066.048.985
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.407.272.769	604.415.187	2.377.077.118	-	4.388.765.074
- Khấu hao trong kỳ	807.071.437	602.459.615	2.944.882.457	17.571.221	4.371.984.730
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.898.151)	-	(614.898.151)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	2.214.344.206	1.206.874.802	4.707.061.424	17.571.221	8.145.851.653
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.406.068.887	1.223.077.139	12.385.642.078	-	17.014.788.104
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	2.598.997.450	4.751.244.389	26.447.388.714	122.566.779	33.920.197.332
<i>Trong đó:</i>					
Tài sản sử dụng để thế chấp	-	-	23.028.000.000	-	23.028.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	60.000.000	67.592.000	127.592.000
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	60.000.000	67.592.000	127.592.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	21.666.671	16.898.004	38.564.675
- Hao mòn trong kỳ	15.000.003	12.673.503	27.673.506
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	36.666.674	29.571.507	66.238.181
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	38.333.329	50.693.996	89.027.325
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	23.333.326	38.020.493	61.353.819

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu	Giá gốc Dự phòng	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu	Giá gốc Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con					
Taseco Đà Nẵng	1.998.000	19.980.000.000	1.998.000	25.810.557.011	-
Taseco Sài Gòn	650.000	6.500.000.000	550.000	5.500.000.000	-
Taseco Oceanview Đà Nẵng	100%	105.000.000.000	100%	138.360.732.890	-
Taseco Media	99,9%	444.427.614			
Đầu tư vào công ty liên kết					
VINACS (Suất ăn hàng không)	60.000	60.000.000.000			
TỔNG CỘNG		191.924.427.614		169.671.289.901	

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2016, Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, đã góp vốn vào Công ty bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng. Khoản đầu tư này có giá trị là 25,81 tỷ VND, tương đương với 1.998.000 cổ phần của Taseco Đà Nẵng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Đà Nẵng là 99,9% và Taseco Đà Nẵng trở thành công ty con của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng ghi nhận một khoản phải trả cho Taseco Thăng Long tương ứng với phần lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu chưa sử dụng tại thời điểm góp vốn với số tiền là 5,8 tỷ VND. Công ty đã hoàn trả cho Taseco Thăng Long khoản này trong kỳ.

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2016, Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, đã góp vốn vào Công ty bằng các khoản đầu tư vào các công ty sau:

- ▶ Taseco Sài Gòn: Khoản đầu tư này có giá trị là 5,5 tỷ VND, tương đương với 550.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Sài Gòn là 55% và Taseco Sài Gòn trở thành công ty con của Công ty; và đến ngày 09 tháng 09 năm 2017 theo nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐQT và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09 tháng 09 năm 2017, Công ty mua lại 10% cổ phần với giá trị đầu tư là 1 tỷ đồng của cổ đông sáng lập để nâng tỷ lệ sở hữu tại Taseco Sài Gòn lên 65%.
- ▶ Taseco Oceanview Đà Nẵng: Khoản đầu tư này có giá trị là 138,36 tỷ VND, tương đương với 100% vốn chủ sở hữu của Taseco Oceanview Đà Nẵng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Oceanview Đà Nẵng là 100% và Taseco Oceanview Đà Nẵng trở thành công ty con của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng ghi nhận một khoản phải trả cho Taseco Thăng Long tương ứng với phần lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu chưa sử dụng tại thời điểm góp vốn với số tiền là 33,4 tỷ VND. Công ty đã hoàn trả cho Taseco Thăng Long khoản này trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2017, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư truyền thông Taseco (TASECO Media) Khoản đầu tư này có giá trị là 444,427 triệu VNĐ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Media là 99,9% và Taseco Media trở thành công ty con của Công ty.

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2017, Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, đã chuyển nhượng vốn đầu tư vào VINACS theo nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT. Khoản đầu tư này có giá trị là 60 tỷ VNĐ, tương đương với 60.000 cổ phần của VINACS. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong VINACS là 40% và VINACS trở thành công ty liên kết của Công ty

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Taseco Đà Nẵng	99,9%	99,9%
Taseco Sài Gòn	65%	55%
Taseco Oceanview Đà Nẵng	100%	100%
Taseco Media	99,9%	
Công ty liên kết		
Vinacs	40%	

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Châu Thông Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng HKVN - CTCP	933.595.036	933.595.036	1.236.801.953	1.236.801.953
Công ty TNHH Viễn thông Lê Nguyễn	2.309.293.012	2.309.293.012	745.821.785	745.821.785
Phải trả đối tượng khác	1.079.965.787	1.079.965.787	449.150.184	449.150.184
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	7.347.940.014	7.347.940.014	5.793.693.175	5.793.693.175
	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG	11.970.793.849	11.970.793.849	8.525.467.097	8.525.467.097

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2017
Thuế giá trị gia tăng	1.497.605.830	4.853.602.378	(5.587.664.885)	763.543.323
Thuế tiêu thụ đặc biệt	54.013.637	591.529.721	(586.216.785)	59.326.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.121.266.388	5.430.911.784	(5.485.266.388)	2.066.911.784
Thuế thu nhập cá nhân	31.174.000	320.998.707	(306.158.707)	46.014.000
Các loại thuế khác	6.000.000	18.000.000	(24.000.000)	-
TỔNG CỘNG	3.710.059.855	11.215.042.590	(11.989.306.765)	2.935.795.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày
15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí ăn ca	174.990.000	178.230.000
Chi phí tiệc cuối năm	-	144.324.600
Chi phí công tác	-	100.000.000
Chi phí thuê nhà	-	-
Chi phí thuê mặt bằng	92.294.400	-
Chi phí khác	134.473.256	135.901.741
TỔNG CỘNG	<u>401.757.656</u>	<u>558.456.341</u>

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Doanh thu nhận trước cho dịch vụ quảng cáo tại sân bay và các dịch vụ hàng không khác	6.615.676.157	1.176.224.045
TỔNG CỘNG	<u>6.615.676.157</u>	<u>1.176.224.045</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	313.000.000	204.000.000
Phải trả về nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào công ty con của bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	39.191.289.901
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Đà Nẵng (Thuyết minh số 28)	-	23.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.070.819.112	1.149.189.009
TỔNG CỘNG	<u>3.383.819.112</u>	<u>63.544.478.910</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Taseco Đà Nẵng (*) (Thuyết minh số 26)		- 24.000.000.000
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Oceanview Đà Nẵng (*) (Thuyết minh số 28)	38.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>38.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản nhận góp vốn từ Taseco Oceanview Đà Nẵng theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 50B/2017/HTDT/TASECO.ĐN- TASECO.NB ngày 20 tháng 3 năm 2017 nhằm cùng với Công ty hợp tác kinh doanh tại lô đất HH33 và HH30 thuộc khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng, Taseco Oceanview Đà Nẵng sẽ góp 30,58% tổng vốn. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Taseco Oceanview Đà Nẵng đã góp vốn cho Công ty với số tiền là 38 tỷ VND

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19 VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	13.532.679.393	13.532.679.393	32.925.880.605	(46.458.559.998)			
Vay dài hạn đến hạn trả	1.352.400.000	1.352.400.000	6.784.600.000	(2.348.200.000)	5.788.800.000	5.788.800.000	
TỔNG CỘNG	14.885.079.393	14.885.079.393	39.710.480.605	(49.130.159.998)	5.788.800.000	5.788.800.000	
Vay dài hạn							
Vay dài hạn ngân hàng	3.484.200.000	3.484.200.000	13.262.400.000	(6.784.600.000)	9.962.000.000	9.962.000.000	
TỔNG CỘNG	3.484.200.000	3.484.200.000	13.262.400.000	(6.784.600.000)	9.962.000.000	9.962.000.000	

19.1 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Hình thức thế chấp
Ngân hàng cho vay	VND			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.789.500.000	Từ 16 tháng 12 năm 2016 đến 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,4%	Toàn bộ 3 xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 2,66 tỷ VND
Trong đó: vay đến hạn trả	798.000.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.685.400.000	20 tháng 6 năm 2017 đến ngày 20 tháng 6 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,8%	Xe ô tô Toyota biến kiểm soát 30E-747.66 và 30E-747.91 với tổng nguyên giá 2,29 tỷ đồng
Trong đó: vay đến hạn trả	612.000.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.361.500.000	26 tháng 6 năm 2017 đến ngày 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,8%	4 xe ô tô Ford biến kiểm soát 29B-402.37, 29B-403.55, 29B-402.31 và 29B-403.54 với tổng nguyên giá là 2,87 tỷ đồng
Trong đó: vay đến hạn trả	857.000.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Hình thức thế chấp
19.1 Các khoản vay ngân hàng dài hạn	VND			
Ngân hàng cho vay				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long <i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	3.544.000.000 1.416.000.000	10 tháng 3 năm 2017 đến ngày 10 tháng 3 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,7%	Xe ô tô với nguyên giá 5.1 tỷ đồng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long <i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	2.032.800.000 554.400.000	Từ 31 tháng 5 năm 2016 đến 31 tháng 5 năm 2021	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 7,5%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay gồm 2 xe ô tô con 7 chỗ và 1 xe ô tô con 5 chỗ với tổng nguyên giá là 2.5 tỷ VND.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long <i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	2.604.400.000 919.200.000	26 tháng 7 năm 2017 đến ngày 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,8%	Xe ô tô trị giá 3.5 tỷ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long <i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	1.733.200.000 632.200.000	26 tháng 7 năm 2017 đến ngày 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,8%	Xe ô tô trị giá 1.3 tỷ
TỔNG CỘNG	15.750.800.000			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay đến hạn trả</i>	5.788.800.000			
<i>Vay dài hạn</i>	9.962.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày
20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	27.126.277.100	98.944.279	27.225.221.379
Tăng vốn trong kỳ	22.853.722.900	-	22.853.722.900
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	7.387.908.707	7.387.908.707
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016	<u>49.980.000.000</u>	<u>7.486.852.986</u>	<u>57.466.852.986</u>
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	160.480.000.000	14.668.535.023	175.148.535.023
Tăng vốn trong kỳ	199.520.000.000	-	199.520.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	85.249.087.142	85.249.087.142
Cổ tức công bố (*)	-	(80.240.000.000)	(80.240.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành (**)	-	(577.227.043)	(577.227.043)
Giảm khác	-	(109.500.000)	(109.500.000)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>360.000.000.000</u>	<u>18.990.895.122</u>	<u>378.990.895.122</u>

(*) Theo Nghị quyết số 02/2017/ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 04 năm 2017, đại hội đồng cổ đông của công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2016 và theo Nghị quyết HĐQT số 02/2007/ĐHCĐ-NQ ngày 11 tháng 04 năm 2017 phê duyệt tạm ứng cổ tức quý I năm 2017 với tổng số tiền là 80,240 tỷ VNĐ. Số cổ tức đã thanh toán cho cổ đông hiện hữu là 80,225 tỷ VNĐ.

(**) Theo quyết định số 01/QĐ-HĐQT-TASECO.NB ngày 23 tháng 01 năm 2017. Hội đồng quản trị của công ty phê duyệt việc trích quỹ khen thưởng cho ban điều hành công ty năm 2016 bằng 4% lợi nhuận sau thuế kế hoạch, tương ứng với số tiền là 577.227.043 VNĐ, quỹ khen thưởng được thanh toán cho ban điều hành trong kỳ

Theo biên bản số 04/2017/BB-ĐHĐCĐ của đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 2 tháng 06 năm 2017 và theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 06 năm 2017, cổ đông của công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ 160,48 tỷ VNĐ lên 361,08 tỷ VNĐ, Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 07/2017/BB-HĐQT ngày 07/07/2017 và nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 07/07/2017, HĐQT đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân phối nhưng không mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần.

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Taseco Thăng Long	216.000.000.000	144.000.000.000	-	160.450.000.000	160.450.000.000	-
Các cổ đông khác	144.000.000.000	144.000.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>360.000.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	160.480.000.000	49.980.000.000
Số đầu kỳ	160.480.000.000	27.126.277.100
Vốn góp tăng trong kỳ	-	22.853.722.900
Trong đó:		
Bằng tiền mặt	199.520.000.000	2.776.098.900
Bằng các loại chi phí	-	97.624.000
Bằng các khoản đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12)	-	19.980.000.000
Số cuối kỳ	360.000.000.000	49.980.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(80.225.000.000)	-

20.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	360.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	360.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	360.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	360.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	360.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Tổng doanh thu	159.051.320.037	126.561.364.161	57.090.101.486	44.662.614.463
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng	89.034.687.180	69.633.743.148	31.101.197.014	24.354.519.777
Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.016.632.857	56.927.621.013	25.988.904.472	20.308.094.686
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-		
Doanh thu thuần	159.051.320.037	126.561.364.161	57.090.101.486	44.662.614.463
Trong đó:				
Doanh thu thuần từ bán hàng	89.034.687.180	69.633.743.148	31.101.197.014	24.354.519.777
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	70.016.632.857	56.927.621.013	25.988.904.472	20.308.094.686
Trong đó:				
Doanh thu đối với bên khác	157.356.496.822	122.191.229.858	55.416.442.999	43.562.436.129
Doanh thu đối với bên liên quan	1.694.823.215	4.370.134.303	1.673.653.487	1.100.178.334

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Lãi cho vay	1.423.437.501	1.281.927.980	1.040.833.334	542.129.756
Lãi tiền gửi	20.407.802	7.263.551	13.405.444	3.198.713
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.567.374	1.825.542	13.075.937	505.727
Cổ tức, lợi nhuận được chia	63.525.440.000	-		
TỔNG CỘNG	65.008.852.677	1.291.017.073	1.067.314.715	545.834.196

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Giá vốn hàng hóa thương mại	42,848,968,137	35,476,963,821	14,986,402,981	12,320,906,697
Giá vốn dịch vụ khác	33.288.390.893	23.979.860.650	11.928.650.552	8.048.841.265
TỔNG CỘNG	76,137,359,030	59,456,824,471	26,915,053,533	20,369,747,962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Quý 3/2017</i>	<i>Quý 3/2016</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	765.958	433.977	9.740	2.300
Chi phí lãi vay	1.286.603.310	655.478.835	420.196.155	271.342.081
TỔNG CỘNG	1.287.369.268	655.912.812	420.205.895	271.344.381

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Quý 3/2017</i>	<i>Quý 3/2016</i>
Chi phí bán hàng				
Chi phí nhân công	18,103,045,500	19,531,197,522	6,291,090,950	6,467,208,249
Chi phí thuê kho, mặt bằng	10,243,911,866	11,661,711,840	3,323,194,157	4,191,771,760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.606.298.286	6,123,979,117	2.741.646.008	2,277,555,150
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,437,026,455	3,578,105,683	1,231,098,725	1,084,049,413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,273,934,694	1,129,721,157	537,267,119	354,861,605
Chi phí khác bằng tiền	274,448,869	315,285,992	135,989,050	118,216,865
TỔNG CỘNG	41.938.665.670	42.340.001,311	14.260.286.009	14.493.663,042
Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Chi phí nhân công	9,285,468,500	8,446,695,621	3,327,502,750	2,870,161,885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.876.883.398	2,815,610,455	1.459.511.758	1,049,086,649
Chi phí tư vấn	179,000,000	3,004,545,455	113,000,000	4,545,455
Chi phí thuê kho, mặt bằng	1,122,722,592	925,300,000	475,922,592	310,900,000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	443,912,612	399,597,049	163,918,036	137,202,475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	355,526,621	337,955,400	124,329,966	112,651,800
Chi phí quản lý khác	339,894,102	288,614,611	56,295,225	102,524,045
TỔNG CỘNG	15,603.407.825	16,218,318,591	5.720.480.327	4,587,072,309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Quý 3/2017</i>	<i>Quý 3/2016</i>
Thu nhập khác				
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ	214.786.422	342.249.035		79.778.300
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.227.272.726	-	90.909.091	
Khác	154.673.108	139.174.829	92.868.312	89.133.140
	1.596.732.256	481.423.864	183.777.403	168.911.440
Chi phí khác				
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	263.053.184		239.322.863
Chi phí khác	10.104.251	31.273.538		26.081.629
	10.104.251	294.326.722	6.292.395	265.404.492
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	1.586.628.005	187.097.142	177.485.008	(96.493.052)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Quý 3/2017</i>	<i>Quý 3/2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63,658,851,851	55,468,245,822	21,903,152,195	18,659,874,493
Chi phí nhân công	34,939,257,692	31,755,907,145	11,491,065,700	10,497,523,596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,785,133,052	25,571,728,109	9,172,076,392	8,967,044,256
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,399,658,236	3,275,970,127	1,877,627,550	1,105,300,058
Chi phí thuê mặt bằng cho dịch vụ quảng cáo	5,462,000,509	1,363,800,000	2,256,000,509	
Chi phí khác	434,531,185	579,493,171	195,897,523	220,740,910
TỔNG CỘNG	133,679,432,525	118,015,144,374	46,895,819,869	39,450,483,313

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.430.911.785	1.980.512.483
TỔNG CỘNG	<u>5.430.911.785</u>	<u>1.980.512.483</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.679.998.926	9.368.421.190
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	18.135.999.785	1.873.684.238
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được trừ thuế khác	-	101.735.046
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(12.705.088.000)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>5.430.911.785</u>	<u>1.975.419.284</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 và 30 tháng 9 năm 2016 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Công ty Cổ phần truyền thông Taseco	Công ty con	Doanh thu bán hàng Mua hàng hóa Chi phí tiếp khách	- - -	7,011,364 1.047.273 47.440.127
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Chuyển trả tiền hợp tác đầu tư Doanh thu bán hàng Thanh lý tài sản Trả lợi nhuận, các quỹ chưa phân phối năm 2016 Cổ tức được nhận	47.000.000.000 54.360.909 808.963.398 5,830,557,011 34.525.440.000	- 30.942.727 - - -
Công ty TNHH Hàng Miến Thuê Jalux Taseco	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng		
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức được nhận Trả lợi nhuận, các quỹ chưa phân phối năm 2016 Chi phí tiếp khách Phí dịch vụ Chuyển tiền hợp tác đầu tư Mua tài sản	29.000.000.000 33,360,732,890 37.805.090 34,681,863 38,000,000,000 -	- - - 18.129.547 - 392,183,523
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Cho vay Thu hồi cho vay Lãi vay Thu nhập hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm Doanh thu thuê vị trí quảng cáo Doanh thu dịch vụ vận chuyển Góp vốn Cổ tức đã chia Nhận lợi nhuận, các quỹ chưa phân phối của Taseco Đà Nẵng và Oceanview Đà Nẵng Góp vốn hợp tác đầu tư Mua hàng hóa Phí tư vấn và nhượng quyền kinh doanh Mua tài sản Doanh thu bán hàng Khác	93,500,000,000 93,500,000,000 1.318.229.167 1.080,000,000 - 99.698.182 2,843,722,900 80,000,000,000 39,191,289,901 75,000,000,000 34,646,000 - 56,520,000 1.253.749.667	13,650,000,000 13,650,000,000 1.281.927.980 1.080.000.000 3.329.866.522 62.231.364 - - - - 248,817,987 3,000,000,000 - 4.084.475.287 48,077,197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 5)				
Công ty Cổ phần truyền thông TASECO	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	-	107.607.134
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng	41.750.000	812.963.398
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	2.793.000	4.245.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.000.000	-
			186.543.000	924.815.532
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 6)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chi hộ trả hộ	-	220.063.636
			3.132.613.636	
<i>Phải thu dài hạn khác</i> (Thuyết minh số 9)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chuyển tiền góp vốn cho hợp đồng hợp tác đầu tư	150.220.439.740	75.220.439.740
			150.220.439.740	75.220.439.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 9 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
---------------	-------------	--------------------	--------------------------	---------------------------

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)

Công ty Cổ phần đầu tư truyền thông Taseco	Công ty con	Mua hàng hóa	-	-
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa và phí dịch vụ	-	-
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phí dịch vụ	300.000.000	300.000.000
			300.000.000	300.000.000

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)

Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào các công ty con	-	39.191.289.901
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	-	23.000.000.000
				-
				62.191.289.901

Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)

Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	-	24.000.000.000
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Góp vốn dự án Hạ Long	38.000.000.000	
			38.000.000.000	24.000.000.000

Nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016
Lương và thưởng	958.550.000	1.016.410.000
Thu nhập khác	59.500.000	65.520.000
TỔNG CỘNG	1.018.050.000	1.081.930.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	11.984.140.800	12.991.996.800
Từ 1 – 5 năm	<u>15.161.611.200</u>	<u>21.335.193.600</u>
TỔNG CỘNG	<u>27.145.752.000</u>	<u>34.327.190.400</u>

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

 Trần Văn Hưng Người lập	 Phạm Quang Viên Phó phòng kế toán	  Lê Anh Quốc Tổng Giám đốc
---	---	---

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2017